

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN BÌNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 199/2024/HS - ST  
Ngày: 11 - 11 - 2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Chính

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Hữu Phước

Ông Huỳnh Hồng Hải

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Số 1 đường P, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 201/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh ngày 09 tháng 8 năm 1955, nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: A C, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: B đường P, Phường I, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nguyên làm nghề nhân viên Điện báo Phòng Quân báo Bộ T3; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K (đã chết) và bà Phạm Thị B (đã chết); có vợ Võ Kim T1, sinh năm: 1963 và có 02 con đều đã trưởng thành; tiền án: Bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 02 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt tù của cả hai tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án (Bản án hình sự phúc thẩm số 186/2015/HSPT ngày 24/3/2015), bị cáo được hoãn chấp hành hình phạt tù theo Quyết định hoãn thi hành án phạt tù số 02/2022/THAHS-QĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh; tiền sự: Không; nhân thân: Bị Tòa án quân sự Khu vực 1 – Quân khu T3 xử phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng” (Bản án số 04/2007/HSST ngày 26/01/2007), chấp hành xong án phạt tù vào ngày 24/10/2007, bị bắt tạm giam từ ngày 05/7/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Phan Thanh L, sinh năm: 1952; Địa chỉ: B L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Giữa Phạm Văn T và ông Phan Thanh L là bạn bè quen biết với nhau từ lâu. Ngày 07/4/2023, T đến nhà ông L tại địa chỉ số B L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh chơi, tại đây ông L hỏi T về việc còn làm trong Quân đội không và ông L có ý muốn mua xe mô tô thanh lý. Thấy ông L nói vậy, T nói vẫn còn công tác tại Phòng Quân báo, Quân khu T3 (thực tế T không còn công tác trong Quân đội từ năm 2008) và T đưa ra thông tin gian dối là cơ quan của T có bán thanh lý một số xe mô tô phân khối lớn, T cho ông L xem hình ảnh một số xe mô tô và nói với ông L là T sẽ giúp ông L mua xe mô tô phân khối lớn thanh lý của cơ quan T với giá rẻ, T cam kết sau 02 tháng sẽ hoàn tất thủ tục thanh lý xe và giao xe cùng giấy tờ cho ông L. Ông L chọn mua 01 xe mô tô Honda CB400CC màu đỏ, T báo giá xe là 66.000.000 đồng, đặt cọc trước 40.000.000 đồng để làm hồ sơ, sau đó ông L đưa 40.000.000 đồng tiền mặt cho T đặt cọc mua xe, T nhận tiền và đi về. Ngày 08/4/2023, T mang 01 Đơn xin mua xe thanh lý đã đánh sẵn nội dung gửi Sở Tài chính Thành phố H và Phòng thanh lý tài sản cá nhân xin mua 01 xe mô tô hiệu Honda CB400CC màu đỏ, T nói ông L kí tên lên tờ đơn trên và T mang tờ đơn này về.

Ngày 11/4/2023, ông L nhắn tin qua Zalo cho T nói là ông L muốn mua 01 xe mô tô CB1100CC màu đen trong các hình mà T gửi cho ông L vào ngày 07/4/2023, T báo xe ông L muốn mua giá 226.000.000 đồng, ông L nói Thạch đổi cho ông L mua xe mô tô CB1100CC màu đen, Thạch nhắn lại cho ông L đã làm xong biên bản xóa đơn xin mua xe CB400CC của ông L, nhưng để mua được xe CB1100CC thì phải đóng trước tiền bằng 50% giá xe, ông L đồng ý và sử dụng tài khoản số 104870657634 tên Phan Thanh L, mở tại Ngân hàng TMCP C chuyên 90.000.000 đồng (trong đó có 10.000.000 đồng là tiền môi giới bán xe của T) đến tài khoản số 968762876 tên Phạm Văn T mở tại Ngân hàng TMCP Q.

Sau khi nhận được tiền đặt cọc của ông L, T không thực hiện việc mua xe thanh lý cho ông L, đồng thời để ông L tin tưởng tiếp tục chuyển tiền, T gửi cho ông L 01 Phiếu thu có ghi số 014, đóng dấu vuông ghi “SỞ TÀI CHÍNH TP . – PHÒNG THANH LÝ TÀI SẢN” và có viết sẵn nội dung “Phan Thanh L nộp tiền mua xe thanh lý 120.000.000 đồng”, có đóng dấu vuông “ĐÃ THU TIỀN” và chữ ký Kế toán trưởng Nguyễn Thị H.

Ngày 30/5/2023, T tiếp tục nhắn tin qua Zalo cho ông L, yêu cầu phải đóng thêm 15.000.000 đồng tiền phạt nhập xe lậu và ông L dùng tài khoản số 104870657634 tên Phan Thanh L chuyển 15.000.000 đồng đến tài khoản số 968762876 tên Phạm Văn T. Sau khi nhận được tiền từ ông L, T tiêu xài cá nhân hết. Để che giấu hành vi phạm tội, ngày 31/5/2023, T viết 01 Phiếu thu số 369 ngày 31/5/2023 với nội dung ông Phan Thanh L nộp 15.000.000 tiền thu phạt, rồi tự ký chữ ký Lê Hồng H1 vào chỗ Kế toán trưởng rồi chụp hình gửi cho ông L để tiếp tục

tạo lòng tin của L. Cùng ngày, T nói dối với ông L là T đã mua xe mô tô CB400CC màu đỏ mà ông L định mua ban đầu và hỏi mượn ông L 10.000.000 đồng để đóng tiền phạt nhập lậu đối với xe CB400CC, do không đủ tiền nên ông L chỉ chuyển cho T số tiền 5.000.000 đồng.

Đến ngày 04/6/2023, T nói chuyện với con của ông L là anh Phan Vũ Anh Đ, thì anh Đ có nói muốn mua xe CB400CC màu đỏ. Lúc này, T nói với ông L sẽ giúp làm lại Đơn xin mua xe thanh lý với tên người mua là anh Đ, T lấy 20.000.000 đồng tiền môi giới. Ông L đồng ý và chuyển khoản cho T 02 lần 10.000.000 đồng vào ngày 04/6/2023 và 10.000.000 đồng vào ngày 05/6/2023 từ tài khoản số 104870657634 tên Phan Thanh L đến tài khoản số 968762876 tên Phạm Văn T. Trong ngày 05/6/2023, T tự viết Phiếu thu số 036, thu 40.000.000 đồng của anh Phan Vũ Anh Đ và Phiếu thu số 059 với nội dung thu 10.000.000 đồng tiền hồ sơ, sau đó T chụp 02 phiếu thu này gửi qua Zalo cho ông L để ông L tin tưởng. Tiếp đó, T mang 01 Đơn xin mua xe thanh lý đề ngày 20/4/2023, có đánh sẵn nội dung anh Phan Vũ Anh Đ xin mua chiếc xe CB400CC đến nhà ông L, T đưa cho anh Đ kí tên. T nói với ông L và anh Đ là cuối tháng 8/2023 sẽ có xe cho ông L và anh Đ. Sau khi nhận được tiền từ ông L, T đã tiêu xài cá nhân hết.

Khi đến thời hạn giao xe, ông L không nhận được xe, biết mình bị T lừa đảo nên có mời T qua nhà ông L để nói chuyện. Ngày 15/9/2023, T qua nhà ông L và tại đây T thừa nhận đã lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông L, đồng thời T viết cam kết ngày 15/10/2023 T sẽ trả lại đầy đủ số tiền 170.000.000 đồng cho ông L. Do vẫn còn tin T là bạn bè lâu năm và sẽ trả lại tiền như cam kết nên ông L không đến cơ quan Công an trình báo sự việc. Ngày 15/11/2023, T hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả tiền nên ông L đến cơ quan Công an trình báo.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên, còn số tiền 40.000.000 đồng T nhận tiền mặt của ông L vào ngày 07/4/2023, T khai đã mang số tiền này đến đưa cho H2 và T2 tại cửa hàng S” gần Ngã tư A, địa chỉ: ấp Đ, xã B, huyện H. T biết tên là H2 và T2 qua hội mua bán xe trên Zalo, liên lạc qua Zalo chứ T không biết rõ nhân thân lai lịch của những người này. Sau khi xảy ra sự việc, cửa hàng S đóng cửa và T mất điện thoại, không nhớ mặt khẩu và không vào lại được tài khoản Zalo nên không còn liên lạc được với H2 và T2. Phiếu thu tiền và Đ1 xin mua xe thanh lý T gửi cho ông L do H2 và T2 cung cấp cho T.

Bản Cáo trạng số 201/CTr-VKS-TB ngày 01 tháng 10 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 04 năm đến

05 năm tù và tổng hợp hình phạt 03 năm 06 tháng tù của Bản án số 186/2015/HSPT ngày 24-3-2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án. Về trách nhiệm dân sự: Ông Phan Thanh L yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền 170.000.000 đồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo phải bồi thường cho ông T số tiền nêu trên. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị miễn cho bị cáo.

Bị cáo trình bày lời bào chữa: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, bị cáo không bào chữa hay tranh luận gì với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý trả cho ông Phan Thanh L số tiền 170.000.000 đồng đã chiếm đoạt.

Ý kiến của bị hại về hành vi phạm tội của bị cáo: Nhất trí với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Tòa án xét xử đúng pháp luật. Về phần dân sự, ông Phan Thanh L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị cáo Phạm Văn T trả lại cho ông L số tiền 170.000.000 đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Trong thời gian tạm giam, bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái, chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét chiếu cố giảm nhẹ hình phạt để bị cáo được sớm trở về lo chữa bệnh, khắc phục hậu quả cho bị hại.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Công an quận T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai tại phiên tòa của bị cáo Phạm Văn T phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như lời khai bị hại ông Phan Thanh L, tin nhắn hội thoại qua zalo giữa Phạm Văn T với ông Phan Thanh L, dữ liệu sao kê tài khoản ngân hàng, giấy cam kết do Phạm Văn T lập và biên bản nhận dạng, từ đó đã đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 07/4/2023 đến ngày 05/6/2023, Phạm Văn T đã dùng thủ đoạn gian dối bằng cách đưa ra các thông tin không có thật là T vẫn còn công tác tại Phòng Quân báo, Bộ T3 và đơn vị T có bán thanh lý xe mô tô phân khối lớn, mục đích làm ông Phan Thanh L tin tưởng đưa tiền cho T để mua xe mô tô, nhằm chiếm đoạt số tiền 170.000.000 đồng từ ông L. Mặc dù, quá trình điều tra và tại phiên tòa T khai số tiền 40.000.000 đồng Thạch nhận của ông L vào ngày 07/4/2023 T đã đưa cho H2 và T2, nhưng ngoài lời khai của T thì không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh, Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không có thông tin hoạt động của cửa hàng sửa xe “TT” như T khai, do đó T phải chịu trách nhiệm về tổng số tiền đã chiếm đoạt 170.000.000 đồng. Như vậy, với hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định

tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình truy tố bị cáo theo tội danh, điểm khoản trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, góp phần làm xấu đi tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, nhưng vì động cơ tư lợi muốn có được tài sản mà không phải bỏ công sức lao động chân chính, đã bất chấp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Nhân thân bị cáo rất xấu, đã nhiều lần bị kết án về các tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng”, “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Lẽ ra bị cáo phải lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng bản thân, chí thú làm ăn lương thiện, để xây dựng tương lai cho mình mà lại tiếp tục dấn thân vào con đường phạm tội, cho thấy thái độ coi thường pháp luật nên cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T trước đây bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 02 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tổng hợp hình phạt tù của cả hai tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án theo Bản án hình sự phúc thẩm số 186/2015/HSPT ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Bị cáo T được hoãn chấp hành hình phạt tù theo Quyết định hoãn thi hành án phạt tù số 02/2022/THAHS-QĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội mới, bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt chính, các quyết định khác của bản án về phần bồi thường và án phí, nên bị cáo chưa được xóa án tích và lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ ngày 07/4/2023 đến ngày 05/6/2023, bị cáo nhiều lần chiếm đoạt tài sản của bị hại, trong đó mỗi lần cách nhau khoảng một thời gian nhất định, đều xâm phạm trực tiếp đến cùng một khách thể, mỗi lần thực hiện hành vi chiếm đoạt đều đủ định lượng cấu thành tội phạm. Do đó, cần áp dụng đối với bị cáo tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một*

*phần hoặc toàn bộ tài sản*”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng và hoàn cảnh điều kiện kinh tế gia đình khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, ông Phan Thanh L là bị hại có yêu cầu Tòa án buộc bị cáo T phải trả lại số tiền 170.000.000 đồng đã chiếm đoạt và tại phiên tòa bị cáo T cũng đồng ý trả số tiền trên cho bị hại. Như vậy, xét thấy yêu cầu của ông L là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị cáo T phải trả cho ông Phan Thanh L số tiền 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu) đồng.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình áp dụng tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận. Tuy nhiên, mức án Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là chưa đánh giá đúng về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo; không đáp ứng được công tác đấu tranh, phòng chống loại tội phạm này đang ngày càng gia tăng; không có tác dụng giáo dục, không đủ tính răn đe và phòng ngừa chung. Trong vụ án này hậu quả từ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nghiêm trọng với số tiền thiệt hại lên đến hàng trăm triệu đồng; bên cạnh đó trong thời gian được hoãn chấp hành án phạt tù của Bản án số 186/2015/HSPT ngày 24/3/2015, bị cáo không tỏ ra ăn năn hối cải, không tự mình rèn luyện, sửa chữa sai lầm mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới, thể hiện thái độ thách thức pháp luật nên để đảm bảo tính nghiêm trị nhằm phòng ngừa tội phạm mới thì cần phải áp dụng mức án nghiêm khắc đối với bị cáo.

[9] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, T khai số tiền 40.000.000 đồng T nhận của ông L vào ngày 07/4/2023, T đã đưa lại cho H2 và T2 tại cửa hàng sửa xe “TT” gần Ngã tư A, nhưng ngoài lời khai của T thì không còn tài liệu gì khác chứng minh nên không có căn cứ để xem xét lời khai này của bị cáo.

[10] Hồ sơ vụ án thể hiện, để tạo lòng tin của ông Phan Thanh L, T đã gửi qua Z hình chụp Phiếu thu ghi số 014, có đóng dấu vuông ghi “SỞ TÀI CHÍNH TP . – PHÒNG THANH LÝ TÀI SẢN” và có viết sẵn nội dung “Phan Thanh L nộp tiền mua xe thanh lý 120.000.000 đồng”, có đóng dấu vuông “ĐÃ THU TIỀN” và chữ ký Kế toán trưởng Nguyễn Thị H, Cơ quan điều tra đã thực hiện đầy đủ các biện pháp nghiệp vụ điều tra nhưng không thu thập được bản chính Phiếu thu số 014, nên không có tài liệu để giám định các giấy tờ trên là thật hay giả. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T không xem xét xử lý hình sự Phạm Văn T về hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức là có căn cứ.

[11] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1, khoản 3 Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, xét đơn đề nghị miễn nộp án phí ngày 11 tháng 11 năm 2024 của bị cáo T với lý do là người cao tuổi. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 thì bị cáo thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí.

[12] Bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 38; Điều 48; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 và khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 30; Điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1, khoản 3 Điều 329 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15; khoản 1, khoản 3 Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 06 (sáu) năm tù; tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù của Bản án số 186/2015/HSPT ngày 24-3-2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo Phạm Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn tù tính từ ngày 05-7-2024.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Phạm Văn T với thời hạn 45 ngày để bảo đảm thi hành án, theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử.

2. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Phạm Văn T.

3. Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Phạm Văn T phải trả cho ông Phan Thanh L số tiền 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Phạm Văn T.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (PC53);
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Bình;
- Công an quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Xuân Chính**